

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ NGÃ NĂM  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2023/DS-ST

Ngày: 24 - 7 - 2023.

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Phước Toàn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đàm Thanh Vũ.

Ông Trương Văn Nghĩa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Thạch Thị Diễm Trinh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thúy Hằng - Kiểm sát viên

Trong các ngày 21 và ngày 24 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2022/TLST-DS, ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2023/QĐXXST-DS ngày 21/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 138/2023/QĐST-DS ngày 11/7/2023 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà **Hoàng Quế N**, sinh năm 1988. (có mặt)

Địa chỉ: số N đường Hùng V, phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

**- Bị đơn:** Ông **Trần Đăng K** (Chí T), sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã Tân L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông **Trần Đăng H** (vắng mặt)

2/ Bà **Dương Bích T**. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 0LK M đường số H, phường D, TP S, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Ông Lê Ngọc H, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: số N đường Hùng V, phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hoàng Quế N trình bày:**

Vào ngày 16/7/2021 bà có cho ông Trần Đăng K vay số tiền 4.000.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận đến ngày 22/7/2021 sẽ trả và có làm biên nhận. Mặc dù trong biên nhận không có ghi nhận lãi suất nhưng có thỏa thuận miệng là 5%/tháng. Tính đến ngày 26/11/2021 ông K cũng không trả gốc và lãi cho bà nên hai bên mới làm biên bản thỏa thuận lại thì phía ông K còn nợ bà tổng cộng là 4.867.000.000 đồng. Trong đó, nợ gốc là 4.000.000.0000 đồng và nợ lãi là 867.000.000 đồng. Theo biên bản thỏa thuận thì ông K chuyển nhượng phần đất thuộc thửa 99, tờ bản đồ số 48, diện tích 770,1m<sup>2</sup>, tọa lạc khóm G, phường R, thành phố S do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận số DC 724533, ngày 12/8/2021 cho ông Trần Đăng H và bà Dương Bích T đứng tên sang cho bà để trừ số tiền 4.000.000.000 đồng. Còn tiền lãi 867.000.000 đồng thì ông K cam kết sẽ thanh toán cho bà trong vòng 03 tháng là từ ngày 26/11/2021 đến ngày 26/02/2022. Ngoài ra, trong biên bản thỏa thuận thì ông K có cam kết là trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày 26/11/2021 đến ngày 25/5/2022 thì ông K được nhận lại tài sản theo giá thị trường hoặc thỏa thuận giữa hai bên (giá chuyển nhượng = 4 tỷ đồng + trượt giá 5%/tháng \* số tháng tính từ ngày 26/11/2021 đến thời điểm thực hiện giao dịch). Nếu quá thời hạn ngày 25/5/2022 ông K không trả tiền và nhận lại tài sản thì bà được toàn quyền quyết định các giao dịch về tài sản. Tuy nhiên, quá thời hạn 25/5/2022 nhưng ông K không trả tiền để nhận lại tài sản và cũng không có trả tiền lãi như thỏa thuận cho bà.

Theo đơn khởi kiện bà yêu cầu ông Trần Đăng K trả tiền lãi cho bà tổng số tiền lãi 1.493.666.667 đồng được tính từ ngày 16/7/2021 đến ngày 01/3/2022 với mức lãi suất 5%/tháng và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 02/3/2022 đến khi ông K thanh toán dứt nợ. Tại phiên tòa nguyên đơn bà Hoàng Quế N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Trần Đăng K trả cho bà số tiền lãi tính từ ngày 16/7/2021 đến ngày 25/5/2022 đối với tiền vốn gốc 4.000.000.000 đồng, với mức lãi suất 20%/năm. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

**\* Tại phiên tòa bị đơn ông Trần Đăng K trình bày:**

Ông thừa nhận vào ngày 16/7/2021 có vay của bà Hoàng Quế N số tiền 4.000.000.000 đồng và thỏa thuận đến ngày 22/7/2021 sẽ trả, khi vay có làm biên nhận. Trong biên nhận không có ghi lãi suất nhưng thực tế có thỏa thuận miệng lãi suất là 0,7%/ngày. Do bà N gây sức ép trả đòi nợ và buộc ông ký tên vào biên bản thỏa thuận ngày 26/11/2021 nên ông mới mượn quyền sử dụng đất của vợ chồng anh của ông là Trần Đăng H và bà Dương Bích T chuyển nhượng lại cho bà N cần

trừ nợ gốc 4.000.000.000 đồng. Đối với tiền lãi thì đến nay ông vẫn chưa trả cho bà N. Nay ông chỉ đồng ý trả cho bà N tiền lãi theo quy định của pháp luật được tính từ ngày 16/7/2021 đến ngày 26/11/2021. Đối với yêu cầu của bà N về việc tính lãi đến ngày 25/5/2022 thì ông không đồng ý.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Ngọc H trình bày:**

Ông đồng ý với lời trình bày và yêu cầu của vợ ông là bà Hoàng Quế N. Ngoài ra không có ý kiến gì.

**- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:**

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử (HĐXX) đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với việc nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi vay còn nợ nên quan hệ pháp luật tranh chấp được HĐXX xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Đồng thời, bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp L, xã Tân L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Đăng H và bà Dương Bích T. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ lần thứ 2, ông Học có đơn xin vắng mặt còn bà Tuyền vắng mặt không rõ lý do. Do đó, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt ông Học và bà Tuyền theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 16/7/2021 đến ngày 25/5/2022 đối với tiền vốn gốc 4.000.000.000 đồng. Xét thấy, việc nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự HĐXX chấp nhận.

- Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi còn nợ từ ngày ngày 16/7/2021 đến ngày 25/5/2022 đối với tiền vốn gốc 4.000.000.000 đồng với mức lãi suất quy định của pháp luật. Bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền 4.000.000.000 đồng vào ngày 16/7/2021, khi vay hai bên có thỏa thuận lãi là 0,7%/ngày. Đến ngày 26/11/2021 bị đơn đã trả nợ gốc còn nợ lãi thì đến nay chưa trả. Xét thấy, các đương sự thống nhất bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 4.000.000.000 đồng, khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất đây là tình tiết sự kiện được các đương sự thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, bị đơn thừa nhận hiện chưa trả lãi cho nguyên đơn. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền lãi còn nợ là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 5 Điều 466 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 16/7/2021 đến ngày 25/5/2022. Bị đơn chỉ đồng ý trả tiền lãi cho nguyên đơn theo quy định từ ngày 16/7/2021 đến ngày 26/11/2021. Xét thấy, ngày 26/11/2021 giữa nguyên đơn với bị đơn có làm biên bản thỏa thuận. Theo biên bản thỏa thuận thì bị đơn còn nợ nguyên đơn với tổng số tiền là 4.867.000.000 đồng. Trong đó, nợ gốc là 4.000.000.000 đồng và nợ lãi là 867.000.000 đồng. Đối với nợ lãi thì bị đơn sẽ trả trong thời hạn 03 tháng. Đối với nợ gốc thì phía bị đơn chuyển nhượng phần đất thuộc thửa 99, tờ bản đồ số 48, diện tích 770,1m<sup>2</sup>, tọa lạc khóm G, phường R, thành phố S do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận số DC 724533, ngày 12/8/2021 cho ông Trần Đăng H và bà Dương Bích T cho bị đơn để cầm trả tiền nợ gốc 4.000.000.000 đồng. Do đó, tính đến ngày 26/11/2021 thì bị đơn đã thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ gốc cho nguyên đơn mà không còn phát sinh lãi trên nợ gốc nữa. Đối với việc các bên thỏa thuận bị đơn được quyền chuyển nhượng lại tài sản trong thời hạn 06 tháng. Tuy nhiên, trong thời gian 06 tháng thì phía nguyên đơn vẫn được toàn quyền sử dụng phần đất vào mục đích hợp pháp. Tại phiên tòa nguyên đơn thừa nhận sau khi nhận chuyển nhượng phần đất đã đem thế chấp cho ngân hàng. Đồng thời, các bên cũng thỏa thuận bị đơn muốn nhận chuyển nhượng lại tài sản thì phải theo giá thị trường hoặc thỏa thuận giữa hai bên (giá chuyển nhượng = 4 tỷ đồng + trượt giá 5%/tháng \* số tháng tính từ ngày 26/11/2021 đến thời điểm thực hiện giao dịch). Do đó, đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc tiếp tục tính lãi từ ngày 26/11/2021 đến ngày 25/5/2022 đối với số tiền nợ gốc 4.000.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Từ những phân tích và nhận định tại mục [4] và [5] thì lãi suất được tính như sau: Đối với mức lãi suất tại phiên tòa các đương sự yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Do đó, HĐXX xác định lại mức lãi suất là 20%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt

vi phạm. Tiền lãi đối với yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận cụ thể như sau: (từ ngày 16/7/2021 đến ngày 26/11/2021) là 04 tháng 10 ngày x 4.000.000.000 đồng x 1,66% = 287.733.000 đồng. (làm tròn). Không chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn từ ngày 26/11/2021 đến ngày 25/5/2022 là: 05 tháng 29 ngày x 4.000.000.000 đồng x 1,66% = 396.187.000 đồng. (làm tròn)

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Từ những phân tích trên xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1/.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Quế N.

Buộc bị đơn ông Trần Đăng K có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Hoàng Quế N tổng số tiền lãi còn nợ là 287.733.000 đồng (*hai trăm tám mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi ba ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

**2/.** Không chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi của nguyên đơn bà Hoàng Quế N từ ngày 26/11/2021 đến ngày 25/5/2022 với tổng số tiền lãi là 396.187.000 đồng (*ba trăm chín mươi sáu triệu một trăm tám mươi bảy ngàn đồng*)

**3/.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Buộc bị đơn ông Trần Đăng K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.386.650 đồng (*mười bốn triệu ba trăm tám mươi sáu ngàn sáu trăm năm mươi đồng*)

+ Nguyên đơn bà Hoàng Quế N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với

phần không chấp nhận là 19.809.350 đồng (*mười chín triệu tám trăm lẻ chín ngàn đồng ba trăm năm mươi đồng*). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 28.405.000 đồng (*hai mươi tám triệu bốn trăm lẻ năm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000345 ngày 17/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Nguyên đơn bà Hoàng Quế N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 8.595.650 đồng (*tám triệu năm trăm chín mươi lăm ngàn sáu trăm năm mươi đồng*).

**4/. Quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với trường hợp đương sự đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh ST;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Lưu HS-VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Nguyễn Phước Toàn**